

Số: 02/2025/QĐST - VDS

Quỳnh Lưu, ngày 18 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: yêu cầu xác định cha cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Oanh.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp: Bà Vũ Thị Thùy Trang – kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-VDS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu xác định cha cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 54/2025/QĐST - VDS ngày 08 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. **Người yêu cầu:** Chị Hồ Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú hiện nay: Xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lê Văn H1, sinh năm 1962 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1966;

Cùng nơi cư trú: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Cháu Lê Hồ An N; sinh ngày 11 tháng 3 năm 2018;

Địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú hiện nay: Xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Hồ An N: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú hiện nay: Xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 14 tháng 3 năm 2025, bản tự khai và tại phiên họp, Người yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Hồ Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn C, sinh năm 1988, mất năm 2017 có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng tại xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An, kết quả là chị Hồ Thị H mang thai. Đến ngày 14/10/2017 trên đường đi làm về anh C bị tai nạn và chết. Sau đó chị chung sống cùng bố mẹ anh C là ông Lê Văn H1 và bà Hoàng Thị D tại xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Ngày 11/3/2018 chị sinh con gái đặt tên Lê Hồ An N tại bệnh viện Đa Khoa huyện Q, tỉnh Nghệ An. Do chị và anh C chưa đăng ký kết hôn nên giấy khai sinh của cháu Lê Hồ An N không có tên cha. Ngày 21/3/2025 bà Hoàng Thị D (mẹ của anh Lê Văn C) và cháu Lê Hồ An N cùng đi lấy mẫu xét nghiệm tại phòng khám Đ số 11 và đã có kết quả phân tích ADN huyết thống kết luận là giữa bà Hoàng Thị D và cháu Lê Hồ An N có quan hệ huyết thống theo dòng NST X (bà nội và cháu gái). Vậy nên, chị H làm đơn đề nghị Tòa án công nhận anh Lê Văn C, sinh ngày 10/7/1988 và cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018 có quan hệ huyết thống là cha con.

1. Những vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xác định anh Lê Văn C, sinh ngày 10/7/1988 và cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018 có quan hệ huyết thống là cha con.

2. Lý do, mục đích yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề nêu trên: Để làm lại giấy khai sinh và đảm bảo quyền lợi được nhận cha theo huyết thống cho cháu Lê Hồ An N.

3. Căn cứ của việc yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề nêu trên:

- Kết quả phân tích ADN huyết thống tại phòng khám Đ số 11 ngày 21/3/2025, kết luận: “bà Hoàng Thị D và cháu Lê Hồ An N có quan hệ huyết thống theo dòng NST X (bà nội và cháu gái)”.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1, bà Hoàng Thị D (là bố mẹ đẻ anh Lê Văn C) trình bày: Chị Hồ Thị H và anh Lê Văn C có mối quan hệ tình cảm yêu nhau từ năm 2016, chị H và anh C chung sống với nhau như vợ chồng tại xã Q và có thai. Tuy nhiên chị H và anh C chưa đăng ký kết hôn. Tới ngày 14/10/2017 trên đường đi làm về thì anh C bị tai nạn giao thông và qua đời. Đến ngày 11/3/2018 chị H sinh cháu Lê Hồ An N tại Bệnh viện Đ, và được đăng ký khai sinh theo giấy khai sinh số 85/2018 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Đây là con chung trong thời kỳ chung sống như vợ chồng của chị H và anh C và cũng là cháu nội của ông bà. Chị H và cháu Lê Hồ An N chung sống cùng gia đình ông bà từ thời điểm đó đến năm 2022 tại xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Bà D là người trực tiếp đi lấy mẫu xét nghiệm ADN cùng cháu Lê Hồ An N. Ông H1 và bà D đều đồng ý với kết quả phân tích AND huyết thống của phòng khám Đ số 11 ngày

21/3/2025 kết luận là giữa bà Hoàng Thị D và cháu Lê Hồ An N có quan hệ huyết thống theo dòng NST X (bà nội và cháu gái). Đối với yêu cầu xác định cha cho con của chị Hồ Thị H thì ông bà hoàn toàn đồng ý, đề nghị Tòa án xác định anh Lê Văn C, sinh ngày 10/7/1988 là cha của cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018 để gia đình làm lại thủ tục khai sinh cho cháu và cháu được nhận cha đúng như quyền lợi của cháu.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 03 tháng 4 năm 2025 xác định cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018 có đăng ký khai sinh tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hiện nay cháu đang ở với mẹ là chị Hồ Thị H tại xóm B, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Cháu N đang học tại trường tiểu học Q.

Tại phiên họp, chị Hồ Thị H giữ nguyên yêu cầu: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu công nhận anh Lê Văn C, sinh ngày 10/7/1988 là cha đẻ của cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018 để gia đình làm lại giấy khai sinh cho cháu và đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ việc:

Về Tổ tụng Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp.

Về nội dung: Áp dụng khoản 10 Điều 29; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 369 và Điều 372 của BLTTDS và các Điều 88, 101, 102 Luật Hôn nhân và gia đình để ra quyết định giải quyết việc dân sự trên theo hướng đồng ý yêu cầu công nhận cha cho con của chị Hồ Thị H, xác nhận anh Lê Văn C là cha đẻ của cháu Lê Hồ An N.

Lệ phí: Chị Hồ Thị H phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ Việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Chị Hồ Thị H, sinh năm: 1996; địa chỉ nơi cư trú tại xóm A, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An có đơn yêu cầu xác định cha cho con, đây là việc dân sự theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự, khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về quyền yêu cầu và căn cứ xác định: Căn cứ Trích lục khai sinh số 1360/TLKS-BS ngày 14/11/2016 (bản sao) do UBND xã Q cấp, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án xác định anh Lê Văn C, sinh ngày

10/7/1988 có bố đẻ là Lê Văn H1, sinh năm 1962 và mẹ đẻ là Hoàng Thị D, sinh năm 1966. Ngày 14/10/2017 anh C chết theo Trích lục khai tử số 124/TLKT-BS ngày 14/3/2025. Các đương sự đều có yêu cầu đề nghị Tòa án xác định anh Lê Văn C là cha của cháu Lê Hồ An N.

Ngày 21/3/2025 bà Hoàng Thị D (mẹ của anh Lê Văn C) và cháu Lê Hồ An N cùng đi lấy mẫu xét nghiệm tại phòng khám Đ số 11 và đã có kết quả phân tích ADN huyết thống kết luận: giữa bà Hoàng Thị D và cháu Lê Hồ An N có quan hệ huyết thống theo dòng NST X (bà nội và cháu gái).

Như vậy, Hội đồng giải quyết việc dân sự có đủ cơ sở xác định anh Lê Văn C, sinh ngày 10/7/1988 là cha đẻ của cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018. Chị Hồ Thị H có quyền yêu cầu công nhận cha cho con đối với cháu Lê Hồ An N theo quy định tại Điều 88, Điều 102 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Do đó, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của chị Hồ Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp.

[3] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: chị Hồ Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 369, 371 và Điều 372 của BLTTDS và các Điều 88, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình:

1. Chấp nhận yêu cầu xác định cha cho con của chị Hồ Thị H. Xác định anh Lê Văn C, sinh ngày 10/7/1988, mất ngày 14 tháng 10 năm 2017 là cha đẻ của cháu Lê Hồ An N, sinh ngày 11/3/2018 theo giấy khai sinh số 85/2018 ngày 11/4/2018 tại UBND xã Q.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Chị Hồ Thị H phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 69 ngày 25/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu có quyền kháng nghị Quyết

định này trong thời hạn 10 ngày. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THA Dân sự huyện Quỳnh Lưu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Quỳnh Yên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Oanh

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”